TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CL** TỈNH BT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04-7-2024
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim H

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Công T

Bà Huỳnh Thị Kim Trúc L

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn T1 - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn D - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 170/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Huế Th - sinh năm 1989; địa chỉ: 409/74 ấp SP, xã SĐ, huyện CL, tỉnh BT.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu Kh - sinh năm 1989; địa chỉ: 409/74 ấp SP, xã SĐ, huyện CL, tỉnh BT.

Bà Th, ông Kh có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị Huế Th trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2010, bà Trần Thị Huế Th và ông Nguyễn Hữu Kh tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND SĐ ngày 22/6/2010. Thời gian chung sống hạnh phúc được 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng đã sống ly thân từ 01 năm nay mà không thể hàn gắn.

Nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không thể nào chung sống với nhau được nữa nên bà Trần Thị Huế Th yêu cầu Tòa án nhân dân huyện CL giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hữu Kh và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: có hai người con chung tên Nguyễn Thị Tường V - sinh ngày 04/3/2011 và Nguyễn Quốc B - sinh ngày 13/5/2020, hiện đang sống chung với bà Th. Khi ly hôn, bà Th yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai người con chung của ông bà và không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Hữu Kh trình bày: Ông Kh thống nhất với lời trình bày của vợ ông là bà Th về thời gian kết hôn, việc kết hôn của bà Th và ông Kh là do ông bà hoàn toàn tự nguyện. Nay ông Kh không đồng ý ly hôn vì ông vẫn còn thương vợ và con.

Về con chung: Có hai người con chung như bà Th trình bày. Khi ly hôn, nếu vợ ông nuôi con không nổi thì đề nghị Hội đồng xét xử giao con cho ông Kh trực tiếp nuôi dưỡng và ông không yêu cầu vợ ông cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Huế Th với ông Nguyễn Hữu Kh. Ghi nhận bà Th, ông Kh không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Huế Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 2 người con của ông bà là Nguyễn Thị Tường V - sinh ngày 04/3/2011 và Nguyễn Quốc B - sinh ngày 13/5/2020. Ghi nhận bà Th không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được Tòa án xem xét giải quyết và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện CL theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Huế Th và ông Nguyễn Hữu Kh tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SĐ, huyện CL, tỉnh BT vào ngày 22/6/2010 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Bà Th cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông Kh hạnh phúc được 13 năm thì phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà Th cương quyết yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông Kh. Còn ông Kh thì không đồng ý ly hôn vì cho rằng vẫn còn thương vợ con. Tuy nhiên, ông Kh cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng khoảng 6 - 7 tháng gần đây đã phát sinh mâu thuẩn, bất đồng quan điểm sống, ông không thể nào đến gần vợ con và có lần phát sinh mâu thuẩn vợ chồng có cự cãi và đánh nhau.

Mặc dù ông Kh cho rằng vẫn còn thương vợ con, ông Kh không có thiện chí thay đổi để hàn gắn, hơn nữa bà Th cương quyết yêu cầu ly hôn mà không mong muốn hàn gắn gia đình. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà Th và ông Kh đã mâu thuẩn trầm trọng, đời sống chung không còn hạnh phúc, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th đối với ông Kh là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Th và ông Kh có tạo ra 02 người con chung tên Nguyễn Thị Tường V - sinh ngày 04/3/2011 và Nguyễn Quốc B - sinh ngày 13/5/2020. Nhận thấy, từ năm 2020 đến nay hai cháu V và cháu B đang do bà Th là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và cháu V cũng mong muốn được sống chung với mẹ. Còn ông Kh hiện tại đang đi làm ăn xa, lâu lâu mới về, điều kiện kinh tế, cũng như nơi ăn, chốn ở cũng chưa ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu V và cháu B cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc nhằm đảm bảo cuộc sống sinh hoạt, cũng như không làm xáo trộn điều kiện học hành của hai cháu và phù hợp với nguyện vọng của cháu cháu V. Ghi nhận bà Trần Thị Huế Th không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: bà Th và ông Kh khai không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 264, 265, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Huế Th đối với ông Nguyễn Hữu Kh. Cụ thể tuyên:

Bà Trần Thị Huế Th được ly hôn với ông Nguyễn Hữu Khai. Ghi nhận bà Th và ông Kh không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Huế Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người con chung của bà và ông Nguyễn Hữu Kh tên Nguyễn Thị Tường V - sinh ngày 04/3/2011 và Nguyễn Quốc B - sinh ngày 13/5/2020.

Ghi nhận bà Trần Thị Huế Th không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom con mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, bà Th và ông Kh có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp có căn cứ người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con, trên cơ sở lợi ích của con thì người thân thích, Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: bà Th và ông Kh khai không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Trần Thị Huế Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Th đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000855 ngày 14/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh BT, bà Th đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/7/2024).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục T.H.A DS huyện CL;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HSVA+VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký tên và đóng dấu